

MÃU SỐ 13

MUA SẴM TRỰC TUYẾN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-TC
ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BIỂU MẪU

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Danh mục hàng hoá áp dụng mua sắm trực tuyến	Webform		X
2	Mẫu số 01A. Danh mục thuốc áp dụng mua sắm trực tuyến (đối với dược liệu/vị thuốc cổ truyền)			X
3	Mẫu số 01B. Danh mục thuốc áp dụng mua sắm trực tuyến (đối với thuốc Generic/Thuốc biệt dược gốc)			X
4	Mẫu số 01C. Danh mục thuốc áp dụng mua sắm trực tuyến đối với thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền/ Vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa/ Bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa			X
5	Mẫu số 02. Đơn hàng (dùng chung)		X	
6	Mẫu số 03. Thông báo xác nhận đơn hàng (dùng chung)			X
7	Mẫu số 04. Kết quả mua sắm trực tuyến (dùng chung)		Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	
8	Mẫu số 05. Hợp đồng điện tử (dùng chung)		X	X

Mẫu số 01 (webform trên Hệ thống)

DANH MỤC HÀNG HÓA ÁP DỤNG MUA SẴM TRỰC TUYẾN⁽³⁾

STT	Tên hàng hóa ⁽¹⁾	Ký, mã hiệu ⁽¹⁾	Nhãn hiệu ⁽¹⁾	Hãng sản xuất ⁽¹⁾	Xuất xứ ⁽¹⁾	Năm sản xuất ⁽¹⁾	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Mã HS (nếu có)	Đơn giá trúng thầu ⁽¹⁾ (VND)	Tên nhà thầu trúng thầu ⁽¹⁾	Phương thức vận chuyển ⁽²⁾	Chi phí vận chuyển ⁽²⁾	Thông tin nhận đơn hàng/ Thông tin liên hệ ⁽²⁾
1											[Nhà thầu nhập bảng giá cước vận chuyển để chủ đầu tư lựa chọn khi tạo đơn hàng mua sắm trực tuyến]		
2													
3													
...													

Ghi chú:

- (1) Hệ thống tự động trích xuất danh mục hàng hoá áp dụng mua sắm trực tuyến từ thông tin kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua sắm tập trung khi kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải hoặc hợp đồng được công khai trên Hệ thống;
- (2) Nhà thầu trúng thầu cập nhật các thông tin này trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo từ Hệ thống. Đối với chi phí vận chuyển (theo địa bàn/theo tỉnh, thành), nhà thầu có trách nhiệm ký kết hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị vận chuyển để có cơ sở xác định chi phí này;
- (3) Danh mục hàng hoá sau khi cập nhật đầy đủ thông tin được công khai trên Hệ thống để áp dụng mua sắm trực tuyến.

Mẫu số 01A (webform trên Hệ thống)

DANH MỤC THUỐC ÁP DỤNG MUA SẴM TRỰC TUYẾN
(Đối với Dược liệu/ Vị thuốc cổ truyền)

STT	Tên Dược liệu/Tên Vị thuốc cổ truyền ⁽¹⁾	Tên khoa học ⁽¹⁾	Bộ phận dùng ⁽¹⁾	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến ⁽¹⁾	Tiêu chuẩn chất lượng ⁽¹⁾	Phân nhóm ⁽¹⁾	Nguồn gốc ⁽¹⁾	Đơn giá trúng thầu ⁽¹⁾ (VND)	Tên nhà thầu trúng thầu ⁽¹⁾	Phương thức vận chuyển ⁽²⁾	Chi phí vận chuyển ⁽²⁾	Thông tin nhận đơn hàng/ Thông tin liên hệ ⁽²⁾
1										[Nhà thầu nhập bảng giá cước vận chuyển để chủ đầu tư lựa chọn khi tạo đơn hàng mua sắm trực tuyến]		
2												
3												
...												

Ghi chú:

- (1) Hệ thống tự động trích xuất danh mục thuốc áp dụng mua sắm trực tuyến từ thông tin kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua sắm tập trung khi kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải hoặc hợp đồng được công khai trên Hệ thống;
- (2) Nhà thầu trúng thầu cập nhật các thông tin này trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo từ Hệ thống. Đối với chi phí vận chuyển (theo địa bàn/theo tỉnh, thành), nhà thầu có trách nhiệm ký kết hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị vận chuyển để có cơ sở xác định chi phí này;
- (3) Danh mục thuốc sau khi cập nhật đầy đủ thông tin được công khai trên Hệ thống để áp dụng mua sắm trực tuyến.

Mẫu số 01B (webform trên Hệ thống)

DANH MỤC THUỐC ÁP DỤNG MUA SẴM TRỰC TUYẾN
(Đối với Thuốc Generic/Thuốc biệt dược gốc)

STT	Mã thuốc ⁽¹⁾	Tên hoạt chất ⁽¹⁾	Nồng độ/ hàm lượng ⁽¹⁾	Nhóm thuốc/ Tên thuốc hoặc tương đương ⁽¹⁾	Đường dùng ⁽¹⁾	Dạng bào chế ⁽¹⁾	Đơn giá trúng thầu ⁽¹⁾ (VND)	Tên nhà thầu trúng thầu ⁽¹⁾	Phương thức vận chuyển ⁽²⁾	Chi phí vận chuyển ⁽²⁾	Thông tin nhận đơn hàng/ Thông tin liên hệ ⁽²⁾
1									[Nhà thầu nhập bảng giá cước vận chuyển để chủ đầu tư lựa chọn khi tạo đơn hàng mua sắm trực tuyến]		
2											
3											
...											

Ghi chú:

- (1) Hệ thống tự động trích xuất danh mục thuốc áp dụng mua sắm trực tuyến từ thông tin kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua sắm tập trung khi kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải hoặc hợp đồng được công khai trên Hệ thống;
- (2) Nhà thầu trúng thầu cập nhật các thông tin này trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo từ Hệ thống. Đối với chi phí vận chuyển (theo địa bàn/theo tỉnh, thành), nhà thầu có trách nhiệm ký kết hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị vận chuyển để có cơ sở xác định chi phí này;
- (3) Danh mục thuốc sau khi cập nhật đầy đủ thông tin được công khai trên Hệ thống để áp dụng mua sắm trực tuyến.

Mẫu số 01C (webform trên Hệ thống)

DANH MỤC THUỐC ÁP DỤNG MUA SẮM TRỰC TUYẾN

(Đối với thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền/ Vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa/ Bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa)

STT	Mã thuốc ⁽¹⁾	Tên thành phần của thuốc (1)	Nồng độ/hàm lượng (1)	Đường dùng (1)	Dạng bào chế (1)	Nhóm thuốc (1)	Đơn giá trúng thầu(1) (VND)	Tên nhà thầu trúng thầu(1)	Phương thức vận chuyển (2)	Chi phí vận chuyển (2)	Thông tin nhận đơn hàng/ Thông tin liên hệ (2)
1									[Nhà thầu nhập bảng giá cước vận chuyển để chủ đầu tư lựa chọn khi tạo đơn hàng mua sắm trực tuyến]		
2											
3											
...											

Ghi chú:

- (1) Hệ thống tự động trích xuất danh mục thuốc áp dụng mua sắm trực tuyến từ thông tin kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua sắm tập trung khi kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải hoặc hợp đồng được công khai trên Hệ thống;
- (2) Nhà thầu trúng thầu cập nhật các thông tin này trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo từ Hệ thống. Đối với chi phí vận chuyển (theo địa bàn/theo tỉnh, thành), nhà thầu có trách nhiệm ký kết hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị vận chuyển để có cơ sở xác định chi phí này;
- (3) Danh mục thuốc sau khi cập nhật đầy đủ thông tin được công khai trên Hệ thống để áp dụng mua sắm trực tuyến.

Mẫu số 02 (webform trên Hệ thống)**ĐƠN HÀNG⁽¹⁾**

Kính gửi: *[Hệ thống trích xuất tên và địa chỉ của nhà thầu trúng thầu]*

Về việc: *mua hàng hóa trực tuyến*

Chủ đầu tư *[Hệ thống tự động trích xuất tên đơn vị tạo đơn hàng]* (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”) thông báo về nhu cầu mua hàng với nội dung đơn hàng như sau:

Thông tin chung của gói thầu	
Mã KHLCNT	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo KHLCNT]</i>
Tên dự án/dự toán mua sắm	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo KHLCNT]</i>
Chủ đầu tư	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo tên đơn vị tạo đơn hàng]</i>
Tên gói thầu	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo KHLCNT]</i>
Giá gói thầu	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo KHLCNT]</i>
Loại Hợp đồng	Trọn gói
Thông tin đơn hàng	
Số hiệu đơn hàng	<i>[Hệ thống tự sinh ra]</i>
Giá trị đơn hàng	<i>[Hệ thống tự động tính theo Thành tiền]</i>
Nội dung đơn hàng	<i>[Hệ thống trích xuất thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 tương ứng với các Mẫu số 01, Mẫu số 01A, Mẫu số 01B, Mẫu số 01C, trừ thông tin về phương thức thanh toán và địa điểm giao hàng do chủ đầu tư cập nhật]</i>

Ghi chú: (1) Chủ đầu tư ký số khi hoàn tất thông tin đơn hàng.

THÔNG BÁO XÁC NHẬN ĐƠN HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Số hiệu đơn hàng: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất tên đơn vị tạo đơn hàng*]

Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất tên và mã số thuế của nhà thầu*] xác nhận cung cấp đơn hàng thực hiện gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số hiệu đơn hàng: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong đơn hàng mua sắm trực tuyến với giá (tổng số tiền) là ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với bảng tổng hợp giá trị đơn hàng kèm theo.

Ghi chú:

(1) Thông báo xác nhận đơn hàng được ký bằng chữ ký số của nhà thầu.

I. NỘI DUNG XÁC NHẬN ĐƠN HÀNG⁽¹⁾

ĐƠN HÀNG SỐ HIỆU: *[Hệ thống tự động trích xuất theo đơn hàng đã được xác nhận]*

Ngày xác nhận: *[Hệ thống tự động trích xuất theo đơn hàng đã được xác nhận]*

Tên nhà thầu: *[Hệ thống tự động trích xuất theo đơn hàng đã được xác nhận]*

II. NỘI DUNG TỪ CHỐI ĐƠN HÀNG

STT	Số hiệu đơn hàng	Ngày đặt hàng	Giá trị đơn hàng	Nhà thầu	Từ chối đơn hàng ⁽²⁾	Ngày từ chối đơn hàng	Lý do
1							
2							
3							

Ghi chú:

(1) Nội dung này được Hệ thống tự động trích xuất theo thông tin nội dung đơn hàng tại Mẫu số 02.

(2) Bao gồm cả trường hợp nhà thầu không xác nhận đơn hàng trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu đặt hàng.

KẾT QUẢ MUA SẮM TRỰC TUYẾN

Thông tin chung của gói thầu	
Mã KHLCNT	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo KHLCNT]</i>
Tên dự án/dự toán mua sắm	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo KHLCNT]</i>
Chủ đầu tư	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo tên đơn vị tạo đơn hàng]</i>
Tên gói thầu	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo KHLCNT]</i>
Giá gói thầu	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo KHLCNT]</i>
Loại Hợp đồng	Trọn gói

Thông tin đơn hàng	
Số hiệu đơn hàng	<i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i>
Ngày xác nhận	<i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i>
Nhà thầu được lựa chọn	<i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i>
Giá trị đơn hàng	<i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i>

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Gói thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất theo kết quả mua sắm trực tuyến*]

Thuộc dự án: _____ [*Hệ thống trích xuất theo kết quả mua sắm trực tuyến*]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, đã được sửa đổi, bổ sung Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ kết quả mua sắm trực tuyến gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] [*Hệ thống trích xuất theo kết quả mua sắm trực tuyến*];

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*].

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: ____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: ____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: ____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: ____ [*Hệ thống trích xuất*]

E-mail: ____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: ____ [*Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

¹⁰ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Mã số thuế: ___ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: ___ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: ___ [Hệ thống trích xuất]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: ___ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: ___ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: ___ [Hệ thống trích xuất]

Fax: ___ [Hệ thống trích xuất]

E-mail: ___ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: ___; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: ___ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: ___ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: ___ [Hệ thống trích xuất]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A) [Hệ thống trích xuất] (nếu có)

Tên Đơn vị được ủy quyền: ___ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: ___ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: ___ [Hệ thống trích xuất]

Fax: ___ [Hệ thống trích xuất]

E-mail: ___ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: ___; [Đơn vị được ủy quyền điền thông tin]

Mã số thuế: ___ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: ___ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: ___ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục ____ [*Hệ thống trích xuất*].

Điều 2. Trách nhiệm của Bên A và Bên B

1. Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong Hợp đồng.

2. Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này theo thời gian giao hàng nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 3. Giá hợp đồng, thanh toán, thuế, phí, lệ phí

1. Giá hợp đồng: [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*].

2. Thanh toán:

a) Yêu cầu thanh toán của Bên B phải được gửi cho Bên A bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao cùng với chứng từ: ____ [*ghi cụ thể các loại chứng từ, tài liệu*] và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng.

b) Phương thức thanh toán: ____ [*căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này. Việc thanh toán cho Bên B có thể quy định thanh toán bằng chuyển khoản, số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán có thể quy*]

định thanh toán ngay hoặc trong vòng không quá một số ngày nhất định kể từ khi Bên B xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật.

Bên B được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Đối với hợp đồng trọn gói, trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế].

3. Thuế, phí, lệ phí:

a) Bên B chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Bên A;

b) Trường hợp Bên B thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Bên A tạo điều kiện tối đa cho Bên B áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí.

c) Việc điều chỉnh thuế: ____ [*ghi “Được phép” hoặc “Không được phép”*].
Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi: “Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”].

Điều 4. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 5. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [*Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 6. Sửa đổi hợp đồng

1. Bên A có thể yêu cầu Bên B sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:

- a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;
- b) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- c) Thay đổi dịch vụ liên quan;
- d) Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày giao hàng phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Bên B về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Bên B nhận được yêu cầu của Bên A về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.

3. Trường hợp Bên B cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số... tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Bên B đề xuất và đáp ứng yêu cầu tại Điều 1 của Hợp đồng này thì Bên B phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên A để Bên A xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, Bên A có thể chấp thuận đề xuất của Bên B với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của hợp đồng không thay đổi.

Điều 7. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu. Bên B bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Bên B hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam.

2. Thời hạn bảo hành là: _____ ngày *[ghi số ngày]*. Địa điểm để áp dụng bảo hành là: _____ *[ghi tên một hoặc một số địa điểm]* *[Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể. Đối với các loại hàng hóa đơn giản thì yêu cầu Bên B có phiếu bảo hành kèm theo, trong đó nêu rõ thời gian và trách nhiệm bảo hành của Bên B. Đối với các loại hàng hóa phức tạp thì ngoài việc có phiếu bảo hành kèm theo còn phải quy định Bên A giữ lại một phần giá trị của hợp đồng để bảo đảm nghĩa vụ bảo hành hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng. Trong trường hợp này, cần quy định cụ thể giá trị khoản tiền giữ lại và thời hạn hoàn trả cho Bên B (ví dụ sẽ hoàn trả lại cho Bên B khi hai bên thanh lý hợp đồng)].*

3. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Bên A kịp thời thông báo cho Bên B, kèm theo tài liệu chứng minh. Bên A tạo điều kiện cho Bên B tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó.

4. Sau khi nhận được thông báo của Bên A về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Bên B phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn: : _____ ngày *[ghi số ngày]* và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế.

5. Trường hợp đã được thông báo nhưng Bên B không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại khoản 4 Điều này, Bên A có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Bên B phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Bên A tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Bên A đối với Bên B theo hợp đồng.

Điều 8. Phạt và bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm hợp đồng :___ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”].

Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 11 của Hợp đồng này, nếu Bên B không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên A có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với :___%/tuần (hoặc ngày, tháng...) [ghi cụ thể mức khấu trừ là bao nhiêu % giá trị phần hàng hóa giao chậm hoặc phần dịch vụ liên quan hoàn thành chậm] cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Bên A sẽ khấu trừ đến ___ % [ghi mức phạt tối đa]. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 12 của Hợp đồng này.

2. Bồi thường thiệt hại: ___ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”].

Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự

Điều 9. Bất khả kháng

1. Bên B không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện

này còn hợp lý và thực tế.

3. Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Bên B bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm

a) Bên A có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn;

- Bên B không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;

- Bên A xác định Bên B vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng;

b) Trường hợp Bên A chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a khoản này, Bên A có thể mua sắm hàng hóa tương tự như các hàng hóa chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A các chi phí phát sinh từ việc mua hàng hóa tương tự đó. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị

chấm dứt.

2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán

Trường hợp Bên B phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Bên A có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Bên B. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Bên B không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Bên A trước đó hoặc sau đó.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong ___[ghi số ngày tiến hành hòa giải tối đa] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết: ___[ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp (toà án, trọng tài), chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...].

Điều 12. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ___[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng tự động hết hiệu lực sau khi các bên hoàn thành tất cả quyền, nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

NHÀ THẦU

[xác nhận, chữ ký số]

CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN

[xác nhận, chữ ký số]